

3. Kế toán bán hàng ở doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK

3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và xác định doanh thu thuần

Kế toán doanh thu bán hàng và xác định doanh thu thuần ở các DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, được phản ánh trên tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" (5111) và tài khoản 512 - "Doanh thu bán hàng nội bộ" (5121). Trình tự kế toán tương như kế toán bán hàng ở các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX

3.2. Kế toán trị giá thành phẩm đã tiêu thụ

- ❖
- ❖ Đầu kỳ kết chuyển trị giá thành phẩm tồn kho và gửi bán, kế toán ghi:
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán
Có TK 155, 157
- ❖ Cuối kỳ kết chuyển giá thành thực tế của thành phẩm sản xuất hoàn thành trong kỳ, kế toán ghi:
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán
Có TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- ❖ Cuối kỳ kiểm kê hàng hoá xác định và kết chuyển trị giá thành phẩm tồn kho và gửi bán cuối kỳ, kế toán ghi:
Nợ TK 155 - Thành phẩm
Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán
Có TK 632 - Giá vốn hàng bán
- ❖ Kế toán tính và kết chuyển trị giá vốn thực tế của hàng hoá đã tiêu thụ trong kỳ.
Nợ TK TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có 632 - Giá vốn hàng bán

Sổ kế toán theo dõi, ghi chép tình hình bán hàng:

Tuỳ thuộc vào hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng.

Theo hình thức kế toán nhật ký chứng từ (NKCT): Căn cứ vào chứng từ kế toán ghi vào Bảng kê số 1, 2, 3, 4, 8, 10, 11, ... và ghi NKCT số 8. Nhật ký chứng từ số 8 dùng để ghi chép phản ánh số phát sinh bên Có của TK 155, TK 156, TK157, TK 159, TK 131, TK 511, TK 521, TK 531, TK 532, TK 632, TK635, TK 642, TK 711, TK 515, TK 811, TK 911. Nhật ký chứng từ số 8 cuối tháng ghi 1 lần. Cơ sở ghi NKCT số 8 tuỳ thuộc vào từng tài khoản